

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 436/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CB, xã KT, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CB, xã KT, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2019; biên bản hòa giải ngày 05/8/2019 và đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 05/8/2019 chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 và đến nay không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do thời gian gần đây tính tình không hợp nhau và hai gia đình xảy ra nhiều xung đột, mâu thuẫn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1993 và Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1995. Hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có.

- Tại biên bản hòa giải ngày 05/8/2019 và đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 05/8/2019 anh Nguyễn Văn Q trình bày: Về thời gian kết hôn, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, tài sản và nợ chung theo chị L trình bày trên là đúng. Nay anh chấp nhận thuận tình ly hôn với chị L và các yêu cầu khác chị L đặt ra như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L và anh Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, căn khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh Q xác định thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn với nhau cần được công nhận. Tuy nhiên, chị L với anh Q tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*, đối chiếu điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của chị L, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh Q không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[3] Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1993 và Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1995. Anh chị xác định hai con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1993 và Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu 300.000 đồng, chị dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0003339 ngày 27/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Quốc Kiên